| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-PT
Ngày 24-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Đặng Hồ Điệp

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Vũ Văn Cường

***- Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Đức Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2018/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 15/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 699/2018/QĐ-PT ngày 04/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 822/2018/QĐ-PT ngày 19/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân H; cư trú tại: Số 87 P, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Cù Thị N; cư trú tại: Số 87 P, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Cù Thị N - bị đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Cù Thị N lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng vào năm 1982.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống H thuận đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp và không tin tưởng nhau về tình cảm nên vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, lạnh nhạt, thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè H giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2001, không trách nhiệm với nhau về mọi mặt. Năm 2014, ông nghỉ hưu và chuyển đi sống nhờ chỗ khác, thỉnh thoảng về nhà thăm con cháu. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân 17 năm nay, không còn khả năng đoàn tụ, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà Cù Thị N.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Nguyễn Quang T, sinh năm 1983 và Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1990. Các con đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Cù Thị N trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông H về thời gian kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ông H sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè H giải nhiều lần nhưng không thành. Thực tế từ năm 2014 đến nay, ông H đã chuyển đi sống chỗ khác nhưng cả hai đều đã có tuổi và con cái đã trưởng thành nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Bà thống nhất như lời trình bày của ông H.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án số 15/2018/HNGĐ-ST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng đã:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án,

Xử: Ông Nguyễn Xuân H được ly hôn với bà Cù Thị N.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/02/2018 bà Cù Thị N có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Xuân H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Cù Thị N trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2001, do bản thân bà không đáp ứng được nhu cầu vợ chồng với ông H nên ông H có quan hệ với người phụ nữ khác và có con

riêng. Bà N xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng vì các con nên tại Tòa án cấp sơ thẩm bà không đồng ý ly hôn. Sau khi có đơn kháng cáo, bà thấy vợ chồng không có khả năng đoàn tụ vì từ năm 2014, khi ông H bỏ ra ngoài ở, ông H không cho bà gặp mặt và chặn mọi thông tin liên lạc với bà, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau nên tại phiên tòa phúc thẩm bà đồng ý ly hôn.

Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N đồng ý ly hôn vì xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân H và bà Cù Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng vào năm 1982 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà N và ông H đều thống nhất về quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên thuận tình ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 302 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận thuận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung và tài sản chung: Hai con chung của ông bà đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng quy định của luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Cù Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 27 và khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án,

Xử: Sửa bản án sơ thẩm:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân H và bà Cù Thị N.

2. Về con chung và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân H tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông H đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí tòa án số 0002018 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Cù Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Bà Cù Thị N đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011960 ngày 22/02/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận:***
- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**